TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2019/DS-ST
Ngày: 18-4-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Trường Phát**.

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Thoa**.

2. Ông **Phạm Quang Nghĩa**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Văn Tiến** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà **Hoàng Thị Thanh Tâm** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2018/TLST- DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 về "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Huỳnh Kim T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nguyễn D, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị H: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 12 năm 2018).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Nguyễn Th**, sinh năm 1975.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nguyễn D , Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người làm chứng*: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Huỳnh Kim T, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị P có mặt;

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Kim T trình bày: Bà và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận và có lập hợp đồng vay tiền ký ngày 21 tháng 3 năm 2018, theo đó hai bên thỏa thuận bà Nguyễn Thị H vay của bà số tiền là 75.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 21 tháng 3 năm 2018 đến ngày 21 tháng 4 năm 2018. Các bên không có thỏa thuận lãi suất vay nhưng có thỏa thuận phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán với mức phạt là 30% nếu như đến hạn là ngày 21 tháng 4 năm 2018 mà bà Nguyễn Thị H không thanh toán được số tiền trên. Sau khi đến hạn bà đã yêu cầu bà Nguyễn Thị H thanh toán nhưng đến nay bà Nguyễn Thị H vẫn không thanh toán được cho bà số tiền nợ này nên bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H cùng chồng là ông Nguyễn Th trả cho bà số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng, tiền phạt hợp đồng do không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 22.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật là 10%/năm tính từ ngày 22 tháng 4 năm 2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Nguồn gốc số tiền mà bà và Nguyễn Thị H thỏa thuận theo hợp đồng vay tiền ký ngày 21 tháng 3 năm 2018 là tiền mà bà Nguyễn Thị H còn nợ lại trong quá trình thi hành án đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 55/2017/QĐST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc và Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 03/QĐ-CCTHADS ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Theo quyết định của Tòa án thì vợ chồng bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bà số tiền 797.400.000 đồng từ ngày 18 tháng 9 năm 2017. Quá trình thi hành án, bà Nguyễn Thị H trả được cho bà 02 lần tiền tổng cộng là 750.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thi hành là 47.400.000 đồng. Để giúp bà Nguyễn Thị H mở phong tỏa toàn bộ tài sản đáo hạn ngân hàng, bà và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận chuyển số tiền còn lại chưa thi hành là 47.400.000 đồng và tiền lãi phát sinh do bà Nguyễn Thị H chậm thi hành án theo mức lãi nhà nước quy định thành một khoản tiền vay khác, vì vậy bà và bà Nguyễn Thị H mới lập Hợp đồng vay tiền với số tiền là 75.000.000 đồng với thời hạn trả nợ là 01 tháng và để ràng buộc bà Nguyễn Thị H nên thống nhất thỏa thuận mức tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 30%. Do bà Nguyễn Thị H chậm thanh toán nên bà yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải chịu thêm tiền lãi chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm.

- Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn D là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: thực tế bà Nguyễn Thị H có vay mượn nợ của bà Huỳnh Kim T số tiền là 640.000.000 đồng do không thanh toán được nợ nên bà Huỳnh Kim T khởi kiện bà Nguyễn

Thị H ra Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Kim T và vợ chồng bà Nguyễn Thị H thỏa thuận được với nhau theo đó vợ chồng bà Nguyễn Thị H trả cho bà Huỳnh Kim T tiền gốc và lãi tổng cộng 797.400.000 đồng và đã được Tòa án Xuân Lộc công nhận bằng quyết định số 55/2017/QĐST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2017.

Quá trình thi hành án, bà Huỳnh Kim T có yêu cầu phong tỏa tài sản của bà Nguyễn Thị H để đảm bảo thi hành án, bà Nguyễn Thị H đã thanh toán cho bà Huỳnh Kim T được số tiền 750.000.000 đồng, còn lại số tiền là 47.400.000 đồng. Thời điểm đó, bà Nguyễn Thị H cần đáo hạn ngân hàng để tiếp tục vay vốn nên bà Nguyễn Thị H với bà Huỳnh Kim T có thỏa thuận thi hành xong để bà Nguyễn Thị H được vay vốn ngân hàng và trả số tiền còn lại cho bà Huỳnh Kim T. Do bà Huỳnh Kim T chậm có đơn mở phong tỏa tài sản nên bà Nguyễn Thị H phải chịu lãi suất tiền vay đáo hạn, vì vậy mà sau khi vay được vốn ngân hàng bà Nguyễn Thị H không trả số tiền còn lại cho bà Huỳnh Kim T.

Hợp đồng vay tiền ngày 21 tháng 3 năm 2018 do bà Huỳnh Kim T ép bà Nguyễn Thị H ký vay với số tiền 75.000.000 đồng trong khi bà Nguyễn Thị H không có nhận tiền của bà Huỳnh Kim T. Đây là hợp đồng vay khống, không đúng với số tiền bà Nguyễn Thị H còn nợ của bà Huỳnh Kim T. Hợp đồng vay tiền này không liên quan đến số nợ còn lại trong quá trình thi hành án nên bà Nguyễn Thị H không chấp nhận trả theo yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim T.

- Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Th trình bày: ông là chồng của bà Nguyễn Thị H nhưng ông không biết gì về việc vợ ông vay tiền của bà Huỳnh Kim T. Ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim T và và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân nhân dân huyện Xuân Lộc: về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và sự chấp hành pháp luật của các đương sự cơ bản đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim T, buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Th phải trả cho bà Huỳnh Kim T số tiền 75.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả tính theo quy định pháp luật; không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Kim T về việc buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Th trả số tiền phạt hợp đồng 30% trên tổng số tiền chưa thanh thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng xác lập ngày 21 tháng 3 năm 2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Huỳnh Kim T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H thanh toán tiền nợ theo hợp đồng vay đã được ký kết, hiện bà Nguyễn Thị H đang cư trú tại ấp T, xã X, huyện Xuân Lộc nên quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: bà Huỳnh Kim T khởi kiện bà Nguyễn Thị H, nên bà Huỳnh Kim T là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H là bị đơn. Ông Nguyễn Th là chồng của bà Nguyễn Thị H nên tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về thủ tục tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Th vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt ông Nguyễn Th tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về số tiền nợ gốc:

Bà Huỳnh Kim T cung cấp tài liệu chứng cứ là Hợp đồng vay tiền ngày 21 tháng 3 năm 2018 thể hiện bà Nguyễn Thị H vay của bà Huỳnh Kim T số tiền 75.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng tính ngày 21 tháng 3 năm 2018 đến ngày 21 tháng 4 năm 2018.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Kim T và bà Nguyễn Thị H thống nhất số tiền 75.000.000 đồng trong hợp đồng vay ngày 21 tháng 3 năm 2018 là số tiền là 47.400.000 đồng còn lại chưa được thi hành án theo Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 03/QĐ-CCTHADS ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc về việc thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 55/2017/QĐST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc và tiền lãi phát sinh trong quá trình thi hành án. Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc có văn bản cung cấp thông tin cho biết quá trình thi hành án bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Th đã thi hành cho bà Huỳnh Kim T số tiền 750.000.000 đồng, số tiền còn lại là 47.400.000 đồng và 25.000.000 đồng tiền lãi chậm thi hành án do hai bên thỏa thuận, ngày 21 tháng 3 năm 2018 bà Huỳnh Kim T yêu cầu Chi cục thi hành án đình chỉ thi hành án đối với bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Th.

Như vậy, quá trình thi hành án theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 55/2017/QĐST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, bà Nguyễn Thị H còn phải thi hành cho bà Huỳnh Kim T số tiền là 47.400.000 đồng, bà Nguyễn Thị H và bà Huỳnh Kim T đã thỏa thuận chuyển số tiền còn lại chưa thi hành xong và tiền lãi chậm thi hành án tổng cộng là 75.000.000 đồng thành một khoản vay khác theo như thể hiện trong hợp đồng vay tiền ngày 21 tháng 3 năm 2018. Việc các bên thỏa thuận bằng một khoản vay khác, nhằm tạo điều kiện để bà Nguyễn Thị H thực hiện các thủ tục liên quan đến việc vay vốn ngân hàng và trên thực tế sau khi các bên lập hợp đồng vay tiền, bà Huỳnh Kim T có đơn yêu cầu đình chỉ thi hành án và Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc đã có văn bản gửi các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền để không tiếp tục phối hợp quản lý tài sản của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Th.

Đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H cho rằng các bên ký kết hợp đồng vay tiền là do bà Huỳnh Kim T ép buộc bà Nguyễn Thị H ký với số tiền là

75.000.000 đồng. Tuy nhiên, người làm chứng bà Nguyễn Thị P là em ruột của bà Nguyễn Thị H, cho biết sau khi các bên thỏa thuận việc thi hành án có chứng kiến bà Nguyễn Thị H ký vào Hợp đồng vay tiền ngày 21 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc của bà Huỳnh Kim T như trình bày của người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H.

Xét thấy, các bên thỏa thuận chuyển số tiền chưa thi hành án và tiền lãi chậm thi hành án thành một khoản vay khác là hoàn toàn tự nguyện, do bà Nguyễn Thị H không thanh toán được nợ theo như cam kết nên chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của bà Huỳnh Kim T buộc bà Nguyễn Thị H thanh toán toàn bộ số tiền đã thỏa thuận là 75.000.000 đồng còn nợ cho bà Huỳnh Kim T là phù hợp.

[4.2] Về yêu cầu thanh toán tiền phạt hợp đồng do không thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

Theo Hợp đồng vay tiền ngày 21 tháng 3 năm 2018 các bên thỏa thuận, nếu đến thời hạn trả nợ là ngày 21 tháng 4 năm 2018 mà bên B là bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả tiền gốc là 75.000.000 đồng một lần cho bên A là bà Huỳnh Kim T, nếu không trả đúng thời gian thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị H phải chịu phạt 30% trên tổng số tiền chưa thanh toán. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 418 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận yêu cầu này của bà Huỳnh Kim T, buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu phạt theo mức phạt 30% đã thỏa thuận là phù hợp.

Tính từ thời điểm đến hạn thanh toán là ngày 21 tháng 4 năm 2018 đến nay, bà Nguyễn Thị H chưa thanh toán được khoản tiền gốc nào cho bà Huỳnh Kim T nên buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Huỳnh Kim T số tiền phạt phạt vi phạm là 22.500.000 đồng (30% x 75.000.000 đồng).

[4.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả nguyên đơn:

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền ngày 21 tháng 3 năm 2018, đến ngày 21 tháng 4 năm 2018 bà Nguyễn Thị H có trách nhiện thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho bà Huỳnh Kim T là 75.000.000 đồng. Tuy nhiên, do bà Nguyễn Thị H không thanh toán được tiền nợ như đã cam kết nên chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Kim T buộc bà Nguyễn Thị H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 22 tháng 4 năm 2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18 tháng 4 năm 2019 theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là phù hợp.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng vay, các bên không có thỏa thuận lãi phát sinh do chậm trả nên bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm theo yêu cầu của bà Huỳnh Kim T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể số tiền lãi chậm trả được xác định như sau:

- Từ ngày 22 tháng 4 năm 2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 18 tháng 4 năm 2019 là 356 ngày (11 tháng 26 ngày):

- 75.000.000 đồng x 356 ngày x (10%/365ngày) = 7.315.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc, tiền phạt hợp đồng và tiền lãi chậm trả bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho bà Huỳnh Kim T là 104.815.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Th không thừa nhận việc ông Nguyễn Th có biết bà Nguyễn Thị H có nợ bà Huỳnh Kim T. Xét thấy, mặc dù bà Huỳnh Kim T và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận chuyển số nợ chưa thi hành xong thành khoản nợ vay khác không có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Thh, tuy nhiên số tiền nợ này xuất phát từ nghĩa vụ thi hành án của ông Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị H. Vì vậy xác định đây là nợ chung của vợ chồng, nên ông Nguyễn Th phải có trách nhiệm cùng bà Nguyễn Thị H thanh toán toàn bộ số nợ này cho bà Huỳnh Kim T là phù hợp.

[5] Về án phí bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Th có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Huỳnh Kim T với số tiền 104.815.000 đồng nên bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.240.000 đồng (5% x 104.815.000 đồng). Yêu cầu của bà Huỳnh Kim T được chấp nhận toàn bộ nên hoàn trả tạm ứng án phí cho bà Huỳnh Kim T.

[6] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc về việc giải quyết vụ án chỉ phù hợp một phần với nhận định trên nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 418; Điều 463, Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Kim T.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Th thanh toán cho bà Huỳnh Kim T số tiền 104.815.000 đồng (*Một trăm lẻ bốn triệu tám trăm mười lăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn xin thi hành án (*Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật*) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.240.000 đồng (*Năm triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng*). Hoàn trả cho bà Huỳnh Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.453.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn đồng*) theo biên lai thu số 008403 ngày 07 tháng 5 năm 2018 và biên lai thu số 003356 ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Bà Huỳnh Kim T, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS huyện Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trần Trường Phát